

Bản án số: 100/2024/HS-PT
Ngày: 09-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2024/TLPT-HS ngày 07/5/2024 đối với bị cáo Kon Sa Ha T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Kon Sa Ha T, sinh năm 1992 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Chil; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kơ Să Ha T1 và bà Kon Sa K S; có vợ là Kơ Dơng K, sinh năm 1992 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Kră Jăn Ha Si A; sinh năm 1996 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; dân tộc: Chil; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kon Sa Ha S1 và bà Kră J K'Wên; có vợ là Đa Du Sa Ri Y, sinh năm 2002 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến khoảng cuối tháng 02/2023, Phạm Tấn S2 đã 02 lần thỏa thuận với Hà P khai thác gỗ Bạch Tùng và gỗ Hồng Tùng để bán cho S2 để S2 bán lại, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 11/2022, do quen biết từ trước nên Phạm Tấn S2 đã liên hệ với Hà P và nói Hà P tìm tại xã Đ có gỗ B thì khai thác và cưa xẻ thành hộp theo quy cách S2 đưa ra (01 hộp dài từ 2m đến 2,2m, rộng từ 28cm đến 35cm, dày từ 10cm đến 14cm), S2 sẽ mua lại với giá 8.000.000 (tám triệu) đồng đến 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với 1 m³ gỗ Bạch Tùng, khi P khai thác đủ 14 hộp đến 19 hộp thì S2 sẽ dùng xe ô tô vận chuyển về huyện K.

Sau khi thỏa thuận với S2, Hà P rủ Hà Đ, Kon Sa Ha Đ1, Ha T4 cùng nhau đi vào rừng tìm kiếm các cây Bạch Tùng (T5 năng) để khai thác. Sau khi đã xác định được khu vực lô a1, khoảnh 11, tiểu khu I, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có nhiều cây Bạch Tùng để khai thác, Hà P, Hà Đ, Kon Sa Ha Đ1, Ha T4 rủ thêm H, Kon Sa Ha S1, Kon Sa Ha N, Kră Jăn H, H, H, Cil Ha Đ2, Da Kriêng H, Kon Sa Ha T6, Cao Hà M, Hang Dong H, H, H, H, Kơ Să H, H, H, Kon Sa Ha Q cùng tham gia khai thác gỗ và sẽ được trả tiền công. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11/2022 đến tháng 12/2022, tại khu vực lô a1, khoảnh 11, tiểu khu I, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, trong khoảng thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến khoảng 05 giờ ngày hôm sau, các đối tượng sử dụng cưa máy cầm tay cưa hạ các cây B, sau đó, dùng cưa máy cắt, xẻ thành hộp gỗ rồi mang vác ra ngoài rừng, tiếp đó dùng xe mô tô vận chuyển gỗ đến địa điểm tập kết để Phạm Tấn S2 dùng xe ô tô vận chuyển gỗ về huyện K, tỉnh Khánh Hòa để tiêu thụ. Các đối tượng tham gia với vai trò, nhiệm vụ và tiền công nhận được của các đối tượng cụ thể như sau:

- H, H, Kon Sa Ha Đ1 là những người trực tiếp sử dụng cưa máy cưa hạ cây, sau đó dùng cưa máy xẻ thành hộp gỗ đối với 08 cây B, khối lượng 25,703 m³; Sau khi cưa, xẻ thành hộp gỗ, H, H, Kon Sa Ha Đ1 cùng các đối tượng khác vận chuyển gỗ đến điểm tập kết. Hà Phụng gọi điện thoại báo cho S2 biết, sau đó, S2 đã dùng xe ô tô biển kiểm soát 57L – 0155 vận chuyển các hộp gỗ Bạch Tùng về huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Ngày hôm sau, Hà P đến nhà S2 tại huyện K để nhận tiền; Hà P đã nhận tiền bán 61 hộp gỗ Bạch Tùng cho S2 trong 04 lần,

tổng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Sau khi nhận tiền từ S2, H sẽ trả cho các đối tượng tham gia theo từng lần và nhiệm vụ khác nhau, P dùng một phần tiền S2 trả để mua thực phẩm, xăng, nhớt để phục vụ việc khai thác gỗ, số tiền còn lại P, Hà Đ, Hà Đ1 mỗi người đã nhận được là 2.760.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- H đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 08 cây Bạch Tùng, khối lượng 25,703 m³; Hà N1 đã nhận được 2.760.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Cil Ha T7 đã tham gia phụ giúp cắt bi, xẻ hộp, vận chuyển gỗ đối với 08 cây Bạch Tùng (trong đó có 01 cây Ha Thuyền trực tiếp dùng cửa máy cửa hạ, cắt thành bi), tổng khối lượng 25,703 m³; Ha Thuyền đã nhận được 2.760.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha N đã tham gia phụ giúp lẩn bi, vận chuyển gỗ đối với 07 cây Bạch Tùng (các cây số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07), khối lượng 20,261 m³; Ha Ny đã nhận được 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha S1 đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 06 cây Bạch Tùng (các cây số 03, 04, 05, 06, 07, 08), khối lượng 19,921 m³; Ha Siêng đã nhận được 2.010.000 (hai triệu không trăm mười nghìn) đồng.

- H đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 05 cây Bạch Tùng (các cây số 01, 02, 03, 04, 08), khối lượng 15,848 m³; H đã nhận được 1.920.000 (một triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Da Kriêng Ha Quy L đã tham gia lẩn bi, búng mực để các đối tượng khai thác đối với 04 cây Bạch Tùng (các cây số 05, 06, 07, 08), khối lượng 15,295 m³; Ha Quy L đã nhận được 1.290.000 (một triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Cil Ha Đ2 đã tham gia lẩn bi, búng mực để các đối tượng khai thác đối với 04 cây Bạch Tùng (các cây số 05, 06, 07, 08), khối lượng 15,295 m³; Ha Dương đã nhận được 1.290.000 (một triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Kră Jăn Ha Si A đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 04 cây Bạch Tùng (các cây số 01, 06, 07, 08), khối lượng 15,245 m³; Ha Si A đã nhận được 920.000 (chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Cao Hà M đã tham gia phụ giúp lẩn bi, vận chuyển gỗ đối với 04 cây B (các cây số 01, 05, 07, 08), khối lượng 14,454 m³; H đã nhận được 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hang Dơng Ha Ngai đã tham gia vận chuyển gỗ và canh giới để các đối tượng khai thác, vận chuyển gỗ đối với 04 cây Bạch Tùng (các cây số 03, 04, 07,

08), khối lượng 13,228 m³; Ha Ngai đã nhận được 1.270.000 (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- H đã tham gia phụ giúp cưa hạ 01 cây, lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 03 cây Bạch Tùng (các cây số 01, 02, 08), khối lượng 11,222 m³; H đã nhận được 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha T6 đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 03 cây Bạch Tùng (các cây số 03, 04, 06,), khối lượng 8,368 m³; Ha Tuyên đã nhận được 1.440.000 (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Sau khi vận chuyển 61 hộp gỗ Bạch Tùng về huyện K, Phạm Tấn S2 đã bán 61 hộp gỗ Bạch Tùng này cho nhiều người, trong nhiều lần khác nhau. Đồng thời, quá trình các đối tượng khai thác, vận chuyển gỗ, còn có các đối tượng khác tham gia, cụ thể: Ha Hồng tham gia phụ giúp lẩn bi đối với 02 cây Bạch Tùng (các cây số 05, 07), khối lượng 6,112 m³, Ha H đã nhận được 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng; Hà B tham gia phụ giúp xẻ hộp gỗ, vận chuyển gỗ đối với 01 cây B (cây số 07), khối lượng 3,161 m³; H đã nhận được 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng; Kon Sơ Ha Quy phụ giúp lẩn bi, búng mực đối với 01 cây Bạch Tùng (cây số 08), khối lượng 5,441 m³; Ha Quy đã nhận được khoảng hơn 1.000.000 (một triệu) đồng; Kơ Să Ha Win tham gia vận chuyển gỗ đối với 02 cây Bạch Tùng (cây số 01, 02), khối lượng 5,781 m³; Ha Win đã nhận được 720.000 (bảy trăm hai mươi nghìn) đồng; H tham gia vận chuyển gỗ đối với 02 cây B (cây số 01, 02), khối lượng 5,781 m³; H đã nhận được 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; H, H tham gia vận chuyển gỗ đối với 02 cây Bạch Tùng (cây số 05, 06), khối lượng 6,693 m³; H và H đã nhận được mỗi người 720.000 (bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 01/2023, do có nhiều người hỏi mua gỗ Hồng Tùng nên Phạm Tấn S2 tiếp tục gọi điện thoại cho Hà P và nói Hà P tìm tại xã Đ có gỗ H thì khai thác và cưa xẻ thành hộp theo quy cách như đã xẻ đối với gỗ Bạch Tùng đã khai thác cho S2 và S2 sẽ mua lại với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 12.000.000 (mười hai triệu) đồng đối với 01 m³ gỗ Hồng Tùng, khi khai thác đủ 14 đến 19 hộp thì báo cho S2 biết để S2 vận chuyển gỗ về huyện K.

Sau khi thỏa thuận với S2, Hà P tiếp tục rủ H, Kon Sa Ha Đ1, Ha T7 cùng nhau đi vào rừng tìm kiếm các cây Hồ N để khai thác. Sau khi đã xác định được khu vực lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có nhiều cây Hồng Tùng để khai thác, Hà P, Hà Đ, Kon Sa Ha Đ1, Ha T7 rủ thêm H, Kon Sa Ha T, Kon Sa Ha S1, Kon Sa Ha N, Kră Jăn H, H, H, Kon Sa Ha T6, Cao Hà M cùng tham gia khai thác gỗ và sẽ được trả tiền công. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023, tại khu vực lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng,

trong khoảng thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến khoảng 05 giờ ngày hôm sau, các đối tượng sử dụng cưa máy cưa hạ cây, sau đó, dùng cưa máy cắt, xẻ thành hộp rồi mang vác ra ngoài rừng, tiếp đó dùng xe mô tô vận chuyển đến địa điểm tập kết để Phạm Tân S2 dùng xe ô tô vận chuyển về huyện K, tỉnh Khánh Hòa để tiêu thụ. Các đối tượng tham gia với vai trò, nhiệm vụ và tiền công nhận được của các đối tượng cụ thể như sau:

- H, H, Kon Sa Ha Đ1 là những người trực tiếp sử dụng cưa máy cưa hạ cây, sau đó dùng cưa máy xẻ thành hộp đối với 09 cây Hồ N, khối lượng 18,169 m³ và cùng các đối tượng vận chuyển gỗ đến điểm tập kết. Sau đó, Hà P gọi điện thoại báo cho S2 biết và S2 đã dùng xe ô tô biển kiểm soát 57L – 0155 vận chuyển các hộp gỗ Hồng Tùng về huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Ngày hôm sau, Hà P đến nhà S2 tại huyện K để nhận tiền; Hà P đã 02 lần nhận tiền bán 32 hộp gỗ Hồng Tùng cho S2, tổng 22.700.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng. Sau khi nhận tiền từ S2, H sẽ trả cho các đối tượng tham gia theo từng lần và nhiệm vụ khác nhau, P dùng một phần tiền S2 trả để mua thực phẩm, xăng, nhớt để phục vụ việc khai thác gỗ, số tiền còn lại Hà P, H, Ha Đ1 mỗi người đã nhận được là 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- H đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 09 cây Hồ N, khối lượng 18,169 m³; H đã nhận được 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha Thuật được phân công làm nhiệm vụ canh giới trong quá trình các đối tượng khác khai thác, vận chuyển gỗ đối với 09 cây H, khối lượng 18,169 m³. Ha Thuật đã nhận được 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha N đã tham gia phụ giúp lẩn bi, vận chuyển gỗ đối với 07 cây Hồng Tùng (các cây số 03, 04, 05, 06, 08, 09, 10), khối lượng 14,627 m³; Ha Ny đã nhận được khoảng 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha S1 đã tham gia phụ giúp lẩn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 06 cây Hồng Tùng (các cây số 01, 02, 03, 04, 05, 06), khối lượng 12,524 m³; Ha Siêng đã nhận được 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Ha Hồng đã tham gia phụ giúp khai thác, vận chuyển đối với 05 cây H (các cây số 03, 04, 05, 06, 08), khối lượng 10,958 m³; Ha Hồng đã nhận được 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Cil Ha T7 đã tham gia phụ giúp trong quá trình cắt bi, xẻ hộp, vận chuyển đối với 05 cây Hồ N (các cây số 1, 2, 5, 6, 8), tổng khối lượng 9,578 m³; Ha Thuyền đã nhận được 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Kră Jăn Ha Si A đã tham gia phụ giúp lãn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 04 cây H (các cây số 01, 05, 06, 08), khối lượng 7,806 m³; Ha Si A đã nhận được 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

- Kon Sa Ha T6 đã tham gia phụ giúp lãn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 05 cây Hồng Tùng (các cây số 01, 02, 06, 08, 09), khối lượng 7,407 m³; Ha Tuyên đã nhận được 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Cao Hà M đã tham gia phụ giúp lãn bi, vận chuyển gỗ đối với 03 cây Hồng Tùng (các cây số 01, 09, 10), khối lượng 5,439 m³; H đã nhận được 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

- H đã tham gia phụ giúp lãn bi, búng mực, vận chuyển gỗ đối với 02 cây Hồng Tùng (các cây số 01, 02), khối lượng 3,542 m³; H đã nhận được 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, để thuận tiện khai thác 09 cây Hồng Tùng tại lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, Cil H đã cưa hạ 01 cây Trâm vô đỏ (nhóm cây tạp - SP), khối lượng 0,677 m³. Phan Tấn S2 đã dùng xe ô tô biển kiểm soát 57L-0155 vận chuyển 32 hộp gỗ Hồ N về huyện K trong 02 lần, đã bán được 16 hộp trong chuyến thứ nhất. Đối với 16 hộp gỗ Hồng Tùng S3 vận chuyển trong chuyến thứ hai, S3 biết có lực lượng Kiểm lâm tỉnh Khánh Hoà đang kiểm tra trên đường nên S3 đã bỏ lại toàn bộ 16 hộp gỗ Hồ N, khối lượng 1,163 m³ xuống bãi đất trống ven đường Quốc lộ 27C, tại vị trí KM 86+700, thuộc thôn C, xã L, huyện K. Hạt Kiểm lâm tỉnh K đã phát hiện, tạm giữ 16 hộp gỗ Hồng Tùng này và đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện L để xử lý theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 24/3/2023 đã xác định: Hiện trường xảy ra khai thác lâm sản trái pháp luật thuộc lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, toạ độ trung tâm X:0600686 – Y:1342.838, lâm phần do Vườn Quốc gia B – Núi bà quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; tại hiện trường có 10 cây gỗ bị cưa hạ, gồm 09 cây Hồng Tùng và 01 cây Trâm vô đỏ, cụ thể: Cây số 01 (ký hiệu C01): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 2,955 m³; Cây số 02 (ký hiệu C02): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 1,105 m³; Cây số 03 (ký hiệu C03): chủng loại: Trâm vô đỏ; khối lượng 0,677 m³; Cây số 04 (ký hiệu C04): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 1,976 m³; Cây số 05 (ký hiệu C05): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 1,672 m³; Cây số 06 (ký hiệu C06): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 3,250 m³; Cây số 07 (ký hiệu C07): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 1,772 m³; Cây số 08 (ký hiệu C08): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 1,770 m³; Cây số 09 (ký hiệu C09): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 0,784 m³; Cây số 10 (ký hiệu C10): chủng loại: Hồng Tùng; khối lượng 2,885 m³. Tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại: 18,846 m³ (18,169 m³ gỗ H, 0,677 m³ gỗ Trâm vô đỏ). Khối lượng lâm sản còn lại tại hiện trường: 4,699 m³.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 24/3/2023 đã xác định: Hiện trường xảy ra khai thác lâm sản trái pháp luật thuộc lô a1, khoảnh 11, tiểu khu I, toạ độ trung tâm X:0597.209 – Y:1344.924, lâm phần do Vườn Quốc gia B – Núi bà quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Tại hiện trường có 08 cây gỗ Bạch Tùng bị cưa hạ, cụ thể: Cây số 01 (ký hiệu C01): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 3,161 m³; Cây số 02 (ký hiệu C02): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 5,441 m³; Cây số 03 (ký hiệu C03): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 2,144 m³; Cây số 04 (ký hiệu C04): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 2,482 m³; Cây số 05 (ký hiệu C05): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 2,901 m³; Cây số 06 (ký hiệu C06): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 2,880 m³; Cây số 07 (ký hiệu C07): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 3,742 m³; Cây số 08 (ký hiệu C08): chủng loại: Bạch Tùng; khối lượng 2,951 m³. Tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại: 25,703 m³ gỗ Bạch Tùng. Khối lượng lâm sản còn lại tại hiện trường: 5,203 m³ gỗ B.

Văn bản số 120/VQG và 121/VQG cùng ngày 06/4/2023 của Vườn Quốc gia B1 – N, văn bản số 58/PNN ngày 05/6/2023 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L đã xác định: Vị trí lô a1, khoảnh 11, tiểu khu I, địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, cơ cấu rừng phòng hộ, trạng thái rừng gỗ tự nhiên; Vị trí lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, cơ cấu rừng đặc dụng, trạng thái rừng gỗ tự nhiên.

Ngày 28/11/2023, Viện nghiên cứu khoa học T8 đã xác định: theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm thì 02 (hai) mẫu vật Bạch Tùng (*D. (B) D.laub.*) và Hồng Tùng (*Darydium elatum* (Roxb.) W, ex H1.) không nằm trong nghị định này; theo tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN 12619-2:2019) về phân loại gỗ tự nhiên hiện nay dựa trên tính chất vật lý và cơ học theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12619 năm 2019 thì Bạch Tùng (*D. (Blume) D.laub.*) thuộc gỗ nhóm III và Hồng Tùng (*D1 (Roxb.) W, ex H1.*) thuộc gỗ nhóm II.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS và Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS, cùng ngày 09/5/2023 của Hội Đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện L, kết luận: Tổng giá trị lâm sản thiệt hại bị khai thác 25,703 m³ gỗ tròn của 08 cây Bạch Tùng là 90.731.590 (chín mươi triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, năm trăm chín mươi nghìn) đồng; Tổng giá trị lâm sản thiệt hại của 09 cây Hồng Tùng có khối lượng 18,169 m³ và 01 cây Trâm vô đo có khối lượng 0,677 m³ là 67.630.058 (sáu mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, không trăm năm mươi tám) đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKSLD ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Phạm Tấn S2, H, H, H, Kon Sa Ha Đ1, Kon Sa Ha T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự; các bị cáo Kon Sa Ha S1, Kon Sa Ha N, Cil H về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; các bị cáo Kră Jăn H, H, Cil Ha Đ2, Da Kriêng Ha Quy L về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; bị cáo Ha H về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; các bị cáo Kon Sa Ha T6, Cao Hà M về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hang Dong H, H về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HSST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn S2, H, H, Kon Sa Ha Đ1, H, Kon Sa Ha T, Cil Ha T7, Kon Sa Ha S1, Kon Sa Ha N, Kră Jăn H, H, H, Cil Ha Đ2, Da Kriêng H, Kon Sa Ha T6, Cao Hà M, Hang Dong H, H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn S2 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2023.

1.2. Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà P 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

1.3 . Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

1.4. Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha Đ1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

1.5. Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà N1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

1.6. Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.7. Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo C Ha Thuyên 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2023.

1.8. Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha S1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.9. Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.10. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kră J Ha Si A 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.11. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà M1 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.12. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ha H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/04/2024).

1.13. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo C Ha Dương 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/04/2024).

1.14. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Da K1 Ha Quy Ly 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/04/2024).

1.15. Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật

hình sự. Điều 1, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha T6 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 04/04/2024).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 11/4/2024 bị cáo Kon Sa Ha T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 15/4/2024 bị cáo Kră J Si A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, không thắc mắc, khiếu nại bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Kon Sa Ha T và bị cáo Kră J Si A đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến khoảng cuối tháng 02/2023, Phạm Tấn S2 đã 02 lần thoả thuận với Hà P khai thác gỗ Bạch Tùng và gỗ Hồng Tùng để bán cho S2 để S2 bán lại, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 11/2022, Phạm Tấn S2 đã thoả thuận với Hà P khai thác các cây gỗ Bạch Tùng để bán lại cho S2. Từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2022, tại lô a1, khoảnh 11, tiểu khu I, lâm phần do Vườn Quốc gia B – Núi bà quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, H, H, Kon Sa Ha Đ1 đã sử dụng cưa máy cưa hạ 08 cây Bạch Tùng, khối lượng 25,703 m³ trên diện tích đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên; quá trình khai thác gỗ Bạch Tùng còn có sự tham gia giúp sức của các bị cáo sau:

- H tham gia khai thác 08 cây Bạch Tùng, khối lượng 25,703 m³;

- Cil Ha Thuyên tham gia khai thác 08 cây Bạch Tùng, khối lượng 25,703 m³;
- Kon Sa Ha Ny tham gia khai thác 07 cây Bạch Tùng, khối lượng 20,261 m³;
- Kon Sa Ha Siêng tham gia khai thác 06 cây Bạch Tùng, khối lượng 19,921 m³;
- H tham gia khai thác 05 cây Bạch Tùng, khối lượng 15,848 m³;
- Da Kriêng H tham gia khai thác 04 cây Bạch Tùng, khối lượng 15,295 m³;
- Cil Ha Đương tham gia khai thác 04 cây Bạch Tùng, khối lượng 15,295 m³;
- Kră Jăn H tham gia khai thác 04 cây Bạch Tùng, khối lượng 15,245 m³;
- Cao Hà M tham gia khai thác 04 cây Bạch Tùng, khối lượng 14,454 m³;
- Hang Dơng Ha Ngai tham gia khai thác 04 cây Bạch Tùng, khối lượng 13,228 m³;
- H tham gia khai thác 03 cây Bạch Tùng, khối lượng 11,222 m³;
- Kon Sa Ha Tuyên tham gia khai thác 03 cây Bạch Tùng, khối lượng 8,368 m³;

Số gỗ Bạch Tùng được xẻ thành 61 hộp gỗ và đã được Phạm Tấn S2 vận chuyển đi tiêu thụ.

Lần thứ hai: Tháng 01/2023, S2 thoả thuận với Hà P khai thác các cây gỗ Hồng Tùng để bán lại cho S2. Từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023, tại lô c1, khoảnh 2, tiểu khu A, lâm phần do Vườn Quốc gia B – Núi bà quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, H, H, Kon Sa Ha Đ1 sử dụng cửa máy cửa hạ 09 cây Hồng Tùng, khối lượng 18,169 m³ trên diện tích đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên; quá trình khai thác gỗ Hồng Tùng còn có sự tham gia giúp sức của các bị cáo sau:

- H đã tham gia khai thác 09 cây Hồng Tùng, khối lượng 18,169 m³;
- K làm cảnh giới trong quá trình khai thác 09 cây Hồng Tùng, khối lượng 18,169 m³.
- Kon Sa Ha N đã tham gia khai thác 07 cây Hồng Tùng, khối lượng 14,627 m³.
- Kon Sa Ha S1 đã tham gia khai thác 06 cây Hồng Tùng, khối lượng 12,524 m³.
- Ha Hồng đã tham gia khai thác 05 cây Hồng Tùng, khối lượng 10,958 m³.

- Cil Ha T7 đã tham gia khai thác 05 cây Hồng Tùng, khối lượng 9,578 m³;
- Kră Jăn H đã tham gia khai thác 04 cây Hồng Tùng, khối lượng 7,806 m³.
- Kon Sa Ha T6 đã tham gia khai thác 05 cây Hồng Tùng, khối lượng 7,407 m³.
- Cao Hà M đã tham gia khai thác 03 cây Hồng Tùng, khối lượng 5,439 m³;
- H đã tham gia khai thác 02 cây Hồng Tùng, khối lượng 3,542 m³.

Số gỗ Hồng Tùng đã được xẻ thành 51 hộp, S2 đã vận chuyển về huyện K được 32 hộp gỗ.

Cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Kon Sa Ha T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự; bị cáo Kră J Si A phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Kon Sa Ha T được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo 04 (bốn) năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; bị cáo Kră J Si A được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để xem xét. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Kon Sa Ha T, Kră Jăn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Kon Sa Ha T, Kră J Si A phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kon Sa Ha T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kră J Ha Si A 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Kon Sa Ha T, Kră J Si A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV06-CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp Đà Lạt (02);
- VKSND Tp Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA Tp Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS CA Tp Đà Lạt (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng